TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 163/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 09 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Căn cứ các điều 397, 212, 213 và 149 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 225/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Phạm Thị T**; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

2. Ông **Đinh Mạnh T**; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

Cùng địa chỉ: Thôn x, xã V, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị T và ông Đinh Mạnh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang (cũ). Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Đinh Mạnh T là hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, bà Phạm Thị T và ông Đinh Mạnh T đều thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của người yêu cầu được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Đinh Mạnh T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông T xác nhận có 02 con chung là cháu Đinh Trọng T, sinh ngày 21/11/2001 và cháu Đinh Quỳnh A, sinh ngày 09/6/2010. Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị T là người trực tiếp nuôi cháu Đinh Quỳnh A đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đinh Trọng T hiện nay đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001023 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Thi hành án DS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương